

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **14/2023/QĐST-HNGĐ**

Ba Đình, ngày 05 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 849/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1989; Căn cước công dân số: 008189006812 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 200A phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi ở: Số 194 Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Đào Quang P**, sinh năm 1984; Căn cước công dân số: 001084000647 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/11/2020. Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 200A phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D - Công ty luật Tràng An thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 và của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị Thu T và anh Đào Quang P là hợp pháp có Giấy chứng nhận kết hôn số 70; quyền số 01/2012 ngày 25 tháng 6 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội.

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Đào Quang P và chị Trần Thị Thu T.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị xác nhận có 02 con chung là cháu **Đào Hạnh M**, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2014 và cháu **Đào Đức H**, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2019. Giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, giao anh Phúc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M; Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau kể từ tháng 01 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật;

Chị Trần Thị Thu T và anh Đào Quang P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Về khoản nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thu T tự nguyện chịu 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp. Chị T được trả lại 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu số **0002663** ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- UBND phường Đ, quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long